



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội

Tel: 02433.527.332 Email: nuocsachhadong.tnn@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 260810/692

Tên/địa chỉ khách hàng: Mẫu nước trạm bơm cấp II Cơ sở 3, P.Đương Nội, Hà Nội.  
Mô tả mẫu: 01 chai 500ml  
Ngày lấy mẫu: 10/8/2026  
Ngày phân tích: 10/8 - 17/8/2026  
Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty  
Kết quả phân tích như sau:

| TT | Thông số                                                                | Phương pháp thử      | Đơn vị    | Kết quả      | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|--------------|--------------------|
| 1  | Coliform                                                                | SMEWW 9221:2023      | CFU/100ml | KPH          | < 1                |
| 2  | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt                                         | SMEWW 9221:2023      | CFU/100ml | KPH          | < 1                |
| 3  | Màu sắc                                                                 | SMEWW 2120 B:2023    | TCU       | 8            | 15                 |
| 4  | Mùi                                                                     | Cảm quan             | -         | Không mùi lạ | Không mùi lạ       |
| 5  | pH (*)                                                                  | TCVN 6492:2011       | -         | 7,18         | 6,0 - 8,5          |
| 6  | Độ đục (*)                                                              | TCVN 12402-1:2020    | NTU       | 0,42         | 2                  |
| 7  | Arsenic (As)                                                            | TCVN 6626:2000       | (mg/l)    | 0,003        | 0,01               |
| 8  | Clo dư tự do (*)                                                        | SMEWW 4500 Cl.F:2023 | (mg/l)    | 0,55         | 0,2 - 1,0          |
| 9  | Chỉ số Pecmanganat (*)                                                  | TCVN 6186:1996       | (mg/l)    | < 1,00       | 2                  |
| 10 | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*) | HADO 03.2024         | (mg/l)    | 0,31         | 1                  |

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

(-): Không đơn vị/Không phân tích.

(KPH): Không phát hiện.

Hà Đông, ngày 17 tháng 8 năm 2026

TỔ XÉT NGHIỆM

PHÒNG THÍ NGHIỆM

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần T. Tô Phương

Nguyễn T. Thanh Nga



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Cố Anh Quân

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội

Tel: 02433.527.332 Email: nuocsachhadong.tnn@gmail.com



VILAS 1291

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 260810/675

Tên/địa chỉ khách hàng: Mẫu nước ngoại mạng Cơ sở 3 Dương Nội - Chung cư An Lạc, La Khê, P. Hà Đông, Hà Nội.  
Mô tả mẫu: 02 chai 350ml/mẫu  
Ngày lấy mẫu: 10/8/2026  
Ngày phân tích: 10/8 - 17/8/2026  
Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty  
Kết quả phân tích như sau:

| TT | Thông số                                                                | Phương pháp thử      | Đơn vị    | Kết quả      | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|--------------|--------------------|
| 1  | Coliform                                                                | SMEWW 9221:2023      | CFU/100ml | KPH          | < 1                |
| 2  | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt                                         | SMEWW 9221:2023      | CFU/100ml | KPH          | < 1                |
| 3  | Màu sắc                                                                 | SMEWW 2120 B:2023    | TCU       | 9            | 15                 |
| 4  | Mùi                                                                     | Cảm quan             | -         | Không mùi lạ | Không mùi lạ       |
| 5  | pH (*)                                                                  | TCVN 6492:2011       | -         | 6,96         | 6,0 - 8,5          |
| 6  | Độ đục (*)                                                              | TCVN 12402-1:2020    | NTU       | 0,38         | 2                  |
| 7  | Arsenic (As)                                                            | TCVN 6626:2000       | (mg/l)    | 0,002        | 0,01               |
| 8  | Clo dư tự do (*)                                                        | SMEWW 4500 Cl.F:2023 | (mg/l)    | 0,32         | 0,2 - 1,0          |
| 9  | Chỉ số Pecmanganat (*)                                                  | TCVN 6186:1996       | (mg/l)    | < 1,00       | 2                  |
| 10 | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*) | HADO 03.2024         | (mg/l)    | < 0,25       | 1                  |

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

(-): Không đơn vị/Không phân tích.

(KPH): Không phát hiện.

Hà Đông, ngày 17 tháng 8 năm 2026

TỔ XÉT NGHIỆM

PHÒNG THÍ NGHIỆM

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần T. Tô Phụng

Nguyễn T. Thanh Nga



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cô Anh Quân

1. (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.

4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội

Tel: 02433.527.332 Email: nuocsachhadong.tnn@gmail.com



VILAS 1291

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 260810/671

Tên/địa chỉ khách hàng: Mẫu nước ngoại mạng Cơ sở 3 Dương Nội - Chung cư The Terra, An Hưng, P. Dương Nội, Hà Nội.  
Mô tả mẫu: 02 chai 350ml/mẫu  
Ngày lấy mẫu: 10/8/2026  
Ngày phân tích: 10/8 - 17/8/2026  
Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty  
Kết quả phân tích như sau:

| TT | Thông số                                                                | Phương pháp thử      | Đơn vị    | Kết quả      | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|--------------|--------------------|
| 1  | Coliform                                                                | SMEWW 9221:2023      | CFU/100ml | KPH          | < 1                |
| 2  | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt                                         | SMEWW 9221:2023      | CFU/100ml | KPH          | < 1                |
| 3  | Màu sắc                                                                 | SMEWW 2120 B:2023    | TCU       | 8            | 15                 |
| 4  | Mùi                                                                     | Cảm quan             | -         | Không mùi lạ | Không mùi lạ       |
| 5  | pH (*)                                                                  | TCVN 6492:2011       | -         | 7,17         | 6,0 - 8,5          |
| 6  | Độ đục (*)                                                              | TCVN 12402-1:2020    | NTU       | 0,39         | 2                  |
| 7  | Arsenic (As)                                                            | TCVN 6626:2000       | (mg/l)    | 0,001        | 0,01               |
| 8  | Clo dư tự do (*)                                                        | SMEWW 4500 Cl.F:2023 | (mg/l)    | 0,32         | 0,2 - 1,0          |
| 9  | Chỉ số Pecmanganat (*)                                                  | TCVN 6186:1996       | (mg/l)    | < 1,00       | 2                  |
| 10 | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*) | HADO 03.2024         | (mg/l)    | < 0,25       | 1                  |

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

(-): Không đơn vị/Không phân tích.

(KPH): Không phát hiện.

TỔ XÉT NGHIỆM

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Hà Đông, ngày 17 tháng 8 năm 2026

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần T. Tô Phương

Nguyễn T. Thanh Nga



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tô Anh Quân

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội

Tel: 02433.527.332 Email: nuocsachhadong.tnn@gmail.com



VILAS 1291

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 260810/669

Tên/địa chỉ khách hàng: Mẫu nước ngoại mạng Cơ sở 3 Dương Nội - Chung cư Anland Premium, P. Dương Nội, Hà Nội.  
Mô tả mẫu: 02 chai 350ml/mẫu  
Ngày lấy mẫu: 10/8/2026  
Ngày phân tích: 10/8 - 17/8/2026  
Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty  
Kết quả phân tích như sau:

| TT | Thông số                                                                | Phương pháp thử      | Đơn vị    | Kết quả      | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|--------------|--------------------|
| 1  | Coliform                                                                | SMEWW 9221:2023      | CFU/100ml | KPH          | < 1                |
| 2  | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt                                         | SMEWW 9221:2023      | CFU/100ml | KPH          | < 1                |
| 3  | Màu sắc                                                                 | SMEWW 2120 B:2023    | TCU       | 8            | 15                 |
| 4  | Mùi                                                                     | Cảm quan             | -         | Không mùi lạ | Không mùi lạ       |
| 5  | pH (*)                                                                  | TCVN 6492:2011       | -         | 7,13         | 6,0 - 8,5          |
| 6  | Độ đục (*)                                                              | TCVN 12402-1:2020    | NTU       | 0,45         | 2                  |
| 7  | Arsenic (As)                                                            | TCVN 6626:2000       | (mg/l)    | 0,002        | 0,01               |
| 8  | Clo dư tự do (*)                                                        | SMEWW 4500 Cl.F:2023 | (mg/l)    | 0,37         | 0,2 - 1,0          |
| 9  | Chỉ số Pecmanganat (*)                                                  | TCVN 6186:1996       | (mg/l)    | < 1,00       | 2                  |
| 10 | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*) | HADO 03.2024         | (mg/l)    | < 0,25       | 1                  |

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

(-): Không đơn vị/Không phân tích.

(KPH): Không phát hiện.

Hà Đông, ngày 17 tháng 8 năm 2026

TỔ XÉT NGHIỆM

PHÒNG THÍ NGHIỆM

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần T. Tô Phương

Nguyễn T. Thanh Nga



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Cố Anh Quân

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.